TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THƯỜNG XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2023/HNGĐ - ST
Ngày 18 tháng 8 năm 2023
V/v:"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: **Bà Lê Thị Tâm**
Các hội thẩm nhân dân: **Ông Lê Quang Tùng và bà Lê Thị Huyền**
Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cường - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 52/2023/TLST- HNGĐ ngày 05/4/2023 về việc: "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 25/7/2023 giữa các đương sự:
1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị P, sinh năm: 1988 (*có mặt*);
2. Bị đơn: Anh Vi Văn T, sinh năm: 1986 (*có mặt*);
Cùng địa chỉ: Thôn D, xã XT, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 30/3/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa nguyên đơn chị Lê Thị P trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị P và anh Vi Văn T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2011, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương, đến ngày 26/9/2011 vợ chồng đến Uỷ ban nhân dân xã XT, huyện Thường Xuân để làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được 06 (sáu) năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế khó khăn vợ chồng cùng đi làm ăn trong Miền Nam. Quá trình chung sống vợ chồng cãi cọ nhau, trong cuộc sống luôn bất đồng quan điểm, anh T không chịu làm ăn, thường xuyên uống rượu về đánh vợ, sau đó vợ chồng lại cùng nhau về Bắc Ninh làm ăn, nhưng anh T vẫn không chịu làm ăn, chị P có khuyên giải nhưng anh T vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi. Bản thân chị không chịu đựng được nữa nên đến cuối năm 2019 về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay, mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình, không ai liên lạc gì với ai nữa. Nay

xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Phục làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vi Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung cháu Vi Thị Ly L, sinh ngày 14/7/2011 và cháu Vi Viết V, sinh ngày 09/11/2016. Vợ chồng ly hôn chị P đề nghị Tòa án giải quyết mỗi người nuôi một cháu, chị nuôi cháu Vi Thị Ly L và anh T nuôi cháu Vi Viết V, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quá trình giải quyết vụ án anh Vi Văn T không có mặt tại các buổi làm việc, nhưng tại phiên tòa bị đơn anh Vi Văn T có mặt và trình bày:

Về hôn nhân: Anh Vi Văn T đồng ý với phần trình bày về đăng ký kết hôn của chị Lê Thị P. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn là 06 (sáu) năm thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do kinh tế khó khăn, vợ chồng cùng đi làm ăn với nhau trong Miền Nam một thời gian, nhưng thường xuyên cãi cọ nhau, trong cuộc sống luôn bất đồng quan điểm, vợ chồng cũng đã ngồi lại nói chuyện với nhau nhưng hai bên không tìm được tiếng nói chung, năm 2018 chị P đi làm ăn ở Bắc Ninh thỉnh thoảng vợ chồng còn liên lạc với nhau. Đến năm 2019 mỗi người làm việc một nơi, tự lo cho cuộc sống riêng của mình, ít liên lạc với nhau, từ 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, chị P cương quyết ly hôn, anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh P đồng ý với ý kiến về con chung của chị P. Vợ chồng có 02 (hai) con chung cháu Vi Thị Ly L, sinh ngày 14/7/2011 và cháu Vi Viết V, sinh ngày 09/11/2016. Vợ chồng ly hôn chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho mỗi người nuôi một cháu, anh T nuôi cháu Vi Viết V, chị P nuôi cháu Vi Thị Ly L, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung, anh T đồng ý.

Về tài sản;công nợ: Chị Lê Thị P và anh Vi Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các Biên bản xác minh cùng ngày 27/4/2023 thể hiện: Anh Vi Văn T đang có hộ khẩu thường trú tại thôn D, xã XT, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, anh T chưa chuyển đi đâu, hiện nay anh T đi làm ăn không có mặt tại địa phương, số thông tin định danh cá nhân là 038086013108. Bà Cầm Thị Đ (mẹ đẻ anh T) cho biết, vợ chồng cháu P và T cưới nhau năm 2011, sau khi kết hôn các cháu chung sống cùng gia đình bà được 02 năm thì vợ chồng các cháu đi làm ăn xa nên mâu thuẫn của vợ chồng cháu như thế nào thì bà không biết. Nay cháu P làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với cháu T, bà Đ đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Bà Đ có nhận được giấy triệu tập và các văn bản của Tòa án giao, bà Đ đã thông báo cho cháu T về Tòa án để làm việc nhưng cháu T bận công việc không về được. Tuy nhiên tại phiên tòa anh T có mặt nên Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Về trình tự thiết lập hồ sơ vụ án, Thẩm phán, HĐXX và

Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị P được ly hôn với anh Vi Văn T

Về con chung: Vợ chồng có 02 (hai) con chung cháu Vi Thị Ly L, sinh ngày 14/7/2011 và cháu Vi Viết V, sinh ngày 09/11/2016. Các bên thỏa thuận với nhau về nuôi con chung đề nghị HĐXX công nhận sự thỏa thuận về con chung của chị P và anh T.

Về tài sản; công nợ: Chị Lê Thị P và anh Vi Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí chị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa chị Lê Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, có mặt anh Vi Văn T, Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Chị Lê Thị P có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện TX yêu cầu ly hôn với anh Vi Văn T, anh T vắng mặt, Tòa án đã tống đạt, niêm yết nhiều lần các loại giấy từ tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa anh T có mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

[2]. *Về hôn nhân*: Chị Lê Thị P và anh Vi Văn T, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật, đủ cơ sở xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng đi làm ăn cùng nhau sau đó phát sinh mâu thuẫn nên chị P và anh T đã mỗi người đi làm một nơi, không ai quan tâm đến ai. Tòa án đã tiến hành xác minh với chính quyền địa phương về hộ khẩu của anh T, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phục và anh T. Như vậy, xác định mâu thuẫn giữa chị P và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng thể hiện việc chị P và anh T đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, trong thời gian ly thân không ai còn quan tâm, hàn gắn, hạnh phúc gia đình, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị P.

[3]. *Về con chung*: Vợ chồng có 02 (hai) con chung cháu Vi Thị Ly L, sinh ngày 14/7/2011 và cháu Vi Viết V, sinh ngày 09/11/2016. Tại phiên tòa chị P và

anh T tự nguyện thỏa thuận, mỗi người nuôi một cháu, chị P nuôi cháu Vi Thị Ly L; anh T nuôi cháu Vi Viết V. Xét thấy việc thỏa thuận về con chung của chị P và anh T phù hợp với pháp luật và không trái với đạo đức xã hội, HĐXX ghi nhận sự thỏa thuận về con chung của chị P và anh T. Căn cứ Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Vi Thị Ly L cho chị Lê Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; Giao cháu Vi Viết V cho anh Vi Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung, các bên có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4].*Về tài sản;công nợ:* Chị Lê Thị P và anh Vi Văn T không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5].Tại phiên toà quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6]. *Về án phí:* Chị Lê Thị Phục phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273; khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 3; Điều 5; Điểm a khoản 5; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định *"Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án"*.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị P

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Phục được ly hôn anh Vi Văn T

Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận về con chung của chị P và anh T. Giao cháu Vi Thị Ly L, sinh ngày 14/7/2011 cho chị Lê Thị P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Vi Viết V, sinh ngày 09/11/2016 cho anh Vi Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung, các bên có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản; công nợ: Chị Lê Thị P và anh Vi Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị P phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí, chị P đã nộp theo biên lai số: 0015547 ngày 05/4/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, chị P đã nộp đủ án phí.

Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị P, anh Vi Văn T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/8/2023).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thường Xuân;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADSH.Thường Xuân;
- Đương sự;
- UBND xã Xuân Thắng;
- Lưu HSVA.

TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Tâm